CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO VÀ HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI VINEXAD
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO VÀ HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI VINEXAD
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Quận Hoàn Kiếm, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO VÀ HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI VINEXAD, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100108007
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2025-03-04 15:11:58
Foxit Reader Version: 10.0.1

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO
VÀ HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI VINEXAD

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(đã được kiểm toán)

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	09-10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	10-28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Công ty

Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

0100108007, đăng ký lần đầu ngày 27/04/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 24/04/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính

Số 9 Đinh Lễ, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Nguyễn Khắc Luận	Chủ tịch	Từ ngày 03/04/2024. Trước ngày 03/04/2024 giữ chức Phó Chủ tịch
Ông	Phạm Quỳnh Giang	Phó Chủ tịch	Từ ngày 03/04/2024. Trước ngày 03/04/2024 giữ chức Chủ tịch
Ông	Đinh Văn Khải	Thành viên	
Bà	Nguyễn Thu Hồng	Thành viên	
Ông	Trịnh Xuân Tuấn	Thành viên	Trước ngày 28/03/2024
Ông	Phạm Đăng Khánh	Thành viên	Từ ngày 28/03/2024

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà	Nguyễn Thu Hồng	Tổng Giám đốc	Từ ngày 03/04/2024. Trước ngày 03/04/2024 giữ chức Phó Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Khắc Luận	Tổng Giám đốc	Trước ngày 03/04/2024
Ông	Phạm Đăng Khánh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông	Đinh Văn Khải	Phó Tổng Giám đốc	Trước ngày 03/04/2024
Bà	Nguyễn Tuyết Mai	Kế toán trưởng	

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Vũ Đăng Khoa	Trưởng ban	
Bà	Huỳnh Thị Thúy Nga	Thành viên	Trước ngày 28/03/2024
Bà	Huỳnh Thị Ngọc Châu	Thành viên	Trước ngày 28/03/2024
Bà	Mạc Thanh Tú	Thành viên	Từ ngày 28/03/2024
Ông	Nguyễn Quốc Vinh	Thành viên	Từ ngày 28/03/2024

Đại diện theo pháp luật

Ông	Nguyễn Khắc Luận	Chủ tịch

Bà Nguyễn Thu Hồng được ủy quyền ký Báo cáo tài chính năm 2024 theo giấy ủy quyền số 419/VINEXAD-QTNS ngày 12/12/2024.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố

Hà Nội, ngày 2 tháng 3 năm 2025
TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thu Hồng

Phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

Hà Nội, ngày 2 tháng 3 năm 2025
TM. Hội đồng quản trị
Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Khắc Luận

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà SUDICO, đường Mễ Trì,
Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
T: (+84 24) 3868 9566 (+84 24) 3868 9588
F: (+84 24) 3868 6248 W: www.kiemtoanava.com.vn

Số: 185 /BCKT-TC/AVA.NV6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad, được lập ngày 02/03/2025, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành viên Hãng kiểm toán MGI Quốc tế
mgiworldwide

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này vào ngày 26/02/2024.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Quang Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số
0448-2023-126-1
Hà Nội, ngày 3 tháng 3 năm 2025

Lê Thùy Dương
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số
2879-2025-126-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**141.809.888.341**	**114.960.220.512**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.1	**74.194.071.108**	**55.837.541.091**
1. Tiền	111		74.194.071.108	55.837.541.091
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	V.2	**39.000.000.000**	**39.000.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		39.000.000.000	39.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**3.506.229.732**	**4.955.426.690**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.899.192.078	966.902.161
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	192.290.000	706.040.560
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.414.747.654	3.282.483.969
IV. Hàng tồn kho	**140**	V.6	**22.141.244.047**	**13.180.621.813**
1. Hàng tồn kho	141		22.141.244.047	13.180.621.813
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.968.343.454**	**1.986.630.918**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	27.794.000	45.147.746
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.940.549.454	1.734.716.333
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	-	206.766.839
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**5.870.936.338**	**5.410.503.611**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**409.304.000**	**390.695.000**
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	409.304.000	390.695.000
II. Tài sản cố định	**220**		**5.119.331.925**	**4.909.228.362**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	5.119.331.925	4.906.528.362
- Nguyên giá	222		16.100.857.673	15.995.721.946
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		(10.981.525.748)	(11.089.193.584)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	2.700.000
- Nguyên giá	228		54.000.000	54.000.000
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229		(54.000.000)	(51.300.000)
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**342.300.413**	**110.580.249**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	342.300.413	110.580.249
TỔNG CỘNG TÀI SẢN(270=100+200)	**270**		**147.680.824.679**	**120.370.724.123**

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**61.575.041.258**	**52.663.829.080**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**61.575.041.258**	**52.663.829.080**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	2.018.810.498	188.154.829
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	14.565.452.539	10.896.570.584
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	14.882.796.464	13.108.000.747
4. Phải trả người lao động	314		3.301.500.000	2.961.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		80.000.000	70.000.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.13	139.361.624	159.016.701
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	15.680.861.643	15.286.974.023
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		22.640.000	22.640.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.883.618.490	9.971.472.196
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**86.105.783.421**	**67.706.895.043**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.15	**86.105.783.421**	**67.706.895.043**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		12.249.480.000	12.249.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.249.480.000	12.249.480.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		520.000	520.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		32.612.130.588	17.943.584.934
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41.243.652.833	37.513.310.109
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		54.226.041	54.226.041
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		41.189.426.792	37.459.084.068
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)	**440**		**147.680.824.679**	**120.370.724.123**

Hà Nội, ngày 2 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thắm	Nguyễn Tuyết Mai	Nguyễn Thu Hồng

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	266.567.429.905	252.338.882.462
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**266.567.429.905**	**252.338.882.462**
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	187.012.323.841	182.373.350.779
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**79.555.106.064**	**69.965.531.683**
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.179.513.880	4.398.161.444
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	31.876.527.056	27.632.681.757
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	**30**		**52.858.092.888**	**46.731.011.370**
8. Thu nhập khác	31	VI.5	608.934.011	570.717.382
9. Chi phí khác	32	VI.6	879.929.540	249.089.878
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**(270.995.529)**	**321.627.504**
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**52.587.097.359**	**47.052.638.874**
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	10.725.294.293	9.593.554.806
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**41.861.803.066**	**37.459.084.068**
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	**70**	**VI.9**	**34.174**	**27.586**
15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	**71**	**VI.10**	**22.048**	**27.586**

Hà Nội, ngày 2 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thắm	Nguyễn Tuyết Mai	Nguyễn Thu Hồng

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		**52.587.097.359**	**47.052.638.874**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		613.234.497	600.249.588
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(789.672.538)	(167.652.955)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.050.550.039)	(3.132.018.595)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		**50.360.109.279**	**44.353.216.912**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(575.742.718)	(1.163.292.054)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.960.622.234)	(6.834.025.654)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		6.036.122.297	15.539.488.916
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(214.366.418)	(40.518.329)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.263.231.080)	(3.428.942.264)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	2.140.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.504.172.120)	(1.616.338.515)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**33.878.097.006**	**46.811.729.012**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.053.015.727)	(982.073.364)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		423.636.364	254.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của ĐV khác	23		(6.000.000.000)	(36.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.000.000.000	36.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		2.692.359.836	1.798.323.140
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**2.062.980.473**	**1.070.795.231**

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2024
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.374.220.000)	(7.124.885.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(18.374.220.000)**	**(7.124.885.700)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		**17.566.857.479**	**40.757.638.543**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**55.837.541.091**	**14.912.249.593**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi NT	61		789.672.538	167.652.955
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**		**74.194.071.108**	**55.837.541.091**

Hà Nội, ngày 2 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thắm	Nguyễn Tuyết Mai	Nguyễn Thu Hồng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO VÀ HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI VINEXAD

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2024

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad.
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108007, đăng ký lần đầu ngày 27/04/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 24/04/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
Trụ sở chính của Công ty: Số 9 Đinh Lễ, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch: Số 9 Đinh Lễ, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty: 12.249.480.000 đồng.
Tổng số cổ phần: 1.224.948 cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là tổ chức hội trợ, triển lãm, quảng cáo, cho thuê văn phòng

3. Ngành nghề kinh doanh

In ấn
Chi tiết: Dịch vụ in ấn;
Xây dựng nhà các loại
Chi tiết: - Xây dựng nhà ở, văn phòng, kho bãi, nhà xưởng;
Bán buôn thực phẩm
Chi tiết: Kinh doanh nông sản thực phẩm,
Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép
Chi tiết: Kinh doanh hàng dệt may;
Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
Chi tiết: Kinh doanh hàng điện tử;
Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: Kinh doanh thiết bị máy văn phòng;
Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
Chi tiết: - Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm mỹ thuật;
Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản; - Cho thuê nhà ở, văn phòng, kho bãi, nhà xưởng;
Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
Chi tiết: Môi giới bất động sản (Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
Quảng cáo
(trừ quảng cáo thuốc lá)
Hoạt động thiết kế chuyên dụng
Chi tiết: - Tư vấn và thiết kế thi công mỹ thuật (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
Điều hành tua du lịch
Chi tiết: - Du lịch: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
Chi tiết: Hội chợ triển lãm thương mại; Dịch vụ tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo hợp tác đầu tư, xúc tiến thương mại;
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc

Chi nhánh Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad, 1202 Lầu 12 Tòa nhà Đông Dương, số 4 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số cán bộ nhân viên

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 74 cán bộ nhân viên (tại ngày 01/01/2024, có 71 cán bộ nhân viên).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được lập đảm bảo tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là "đ"; ký hiệu quốc tế là "VND").

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam căn cứ vào:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn
Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.
Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là chi phí tổ chức hội chợ chưa diễn ra, chi phí để thực hiện biển quảng cáo, chi phí cho thuê văn phòng.
Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí thuê địa điểm và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để thực hiện dịch vụ công ty cung cấp.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho
Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh
Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng hội chợ, dịch vụ quảng cáo, cho thuê văn phòng chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

6. Nguyên tắc ghi nhận và các phương pháp khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định
Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản khác	05 năm

Chênh lệch giữa thu thuần do thanh lý nhượng bán với giá trị còn lại của TSCĐ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong
Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh
Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.
Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là ngắn hạn hoặc
Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.
Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu
Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu
Doanh thu bán hàng
Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính có liên quan.

Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.
Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản,
Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)
Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chi phí Thuế thu nhập hoãn lại
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:
- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

16.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại Văn phòng Công ty và Chi nhánh của Công ty.

16.2. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt tại quỹ	152.414.386	633.744.517
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	74.041.656.722	55.203.796.574
	74.194.071.108	**55.837.541.091**

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	39.000.000.000	39.000.000.000	39.000.000.000	39.000.000.000
	39.000.000.000	**39.000.000.000**	**39.000.000.000**	**39.000.000.000**

Tại ngày 31/12/2024 các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,9%/năm đến 8,1%/năm.

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
Ngắn hạn		
Khách hàng thuê văn phòng	86.503.000	185.265.400
Khách hàng thuê biển quảng cáo	67.770.000	433.080.000
Khách hàng hội chợ Expo tại Sài Gòn	2.794.144	12.960.000
Khách hàng hội chợ quà tặng và đồ gia dụng	845.424.205	-
Công ty TNHH Xây dựng Quảng cáo Kim Ngân	282.000.000	326.000.000
Công ty TNHH MTV Thuận Hiền	-	9.596.761
Trade media marketing service limited	414.700.729	-
Công ty TNHH Truyền thông Megabox	200.000.000	-
	1.899.192.078	**966.902.161**

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2024	01/01/2024
Ngắn hạn		
Công ty Liên doanh Hội chợ và Triển lãm Sài Gòn	84.150.000	84.150.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại Thiết kế Xây dựng PH	-	240.500.000
Công ty CP Chứng khoán FPT	4.400.000	143.000.000
Công ty CP Eurowindow	-	169.108.360
Đối tượng khác	103.740.000	69.282.200
	192.290.000	**706.040.560**

5. Phải thu khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Các bên khác				
Tạm ứng cho nhân viên	232.425.148	-	808.736.921	-
Chi trả cổ tức	53.306.400	-	224.802.300	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hà	1.101.731.506	-	1.938.300.000	-
Phải thu khác	27.284.600	-	310.644.748	-
	1.414.747.654	**-**	**3.282.483.969**	**-**
Dài hạn				
Các bên khác				
Ký cược, ký quỹ	409.304.000	-	390.695.000	-
	409.304.000	**-**	**390.695.000**	**-**

6. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí SXKD dở dang (*)	22.141.244.047	-	13.180.621.813	-
	22.141.244.047	**-**	**13.180.621.813**	**-**

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí tổ chức các hội chợ chưa diễn ra.

7. Chi phí trả trước

	31/12/2024	01/01/2024
Ngắn hạn		
Thuê máy chủ hosting	-	18.000.000
Các khoản khác	27.794.000	27.147.746
	27.794.000	**45.147.746**
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	342.300.413	110.580.249
	342.300.413	**110.580.249**

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Phụ lục số 01

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá		
Số dư 01/01/2024	54.000.000	54.000.000
Số dư 31/12/2024	**54.000.000**	**54.000.000**
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư 01/01/2024	51.300.000	51.300.000
Khấu hao trong kỳ	2.700.000	2.700.000
Số dư 31/12/2024	**54.000.000**	**54.000.000**
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2024	2.700.000	2.700.000
Tại ngày 31/12/2024	-	-
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng		54.000.000

10. Phải trả người bán

	Giá trị và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024	01/01/2024
Ngắn hạn		
Các bên khác		
Biển quảng cáo	-	38.000.000
Hội chợ Y Dược Sài Gòn	-	38.834.600
Công ty TNHH Quốc tế Phương Nam	780.570.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Minh Tiến	1.235.474.800	-
Khách hàng khác	2.765.698	111.320.229
	2.018.810.498	**188.154.829**

11. Người mua trả tiền trước

	31/12/2024	01/01/2024
Ngắn hạn		
Khách hàng thuê văn phòng	100.119.375	118.459.375
Khách hàng hội chợ thực phẩm tại TP Hồ Chí Minh	4.338.305.387	2.651.874.547
Khách hàng hội chợ Expo tại Hà Nội	450.514.571	624.329.678
Khách hàng triển lãm Mẹ và Bé tại TP. Hồ Chí Minh	-	4.170.477.000
Khách hàng hội chợ y dược Sài Gòn	792.265.080	559.507.853
Khách hàng hội chợ Logistic	792.916.806	-
Trade media marketing service limited	4.646.352.475	600.151.650
Công ty CP Mỹ nghệ Viễn Đông	40.000.000	155.100.000
Công ty TNHH Forestry Innovation Consulting	286.489.521	-
Công ty TNHH Công nghệ vật liệu mới Yong Ying	227.165.148	-
Khách hàng khác	2.891.324.176	2.016.670.481
	14.565.452.539	**10.896.570.584**

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Phải nộp

	31/12/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	01/01/2024
Thuế GTGT phải nộp	2.454.298.048	6.877.929.088	7.214.671.928	2.791.040.888
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.725.294.293	11.397.670.567	9.263.231.080	8.590.854.806
Thuế thu nhập cá nhân	1.703.204.123	4.274.026.499	4.296.927.429	1.726.105.053
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	569.119.200	569.119.200	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	274.380.331	274.380.331	-
	14.882.796.464	**23.393.125.685**	**21.618.329.968**	**13.108.000.747**

Phải thu

	31/12/2024	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	01/01/2024
Thuế GTGT phải nộp	-	-	206.766.839	206.766.839
	-	**-**	**206.766.839**	**206.766.839**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2024	01/01/2024
Ngắn hạn		
Doanh thu quảng cáo	139.361.624	159.016.701
	139.361.624	**159.016.701**

14. Phải trả khác

	31/12/2024	01/01/2024
Ngắn hạn		
Các bên khác		
Kinh phí công đoàn	172.412.299	137.601.999
Bảo hiểm xã hội	-	3.268.850
Khách hàng triển lãm Chiết Giang Trung Quốc tại Việt Nam	1.726.965.405	2.587.614.900
Công ty Triển lãm Quốc tế Chan Chao - Đặt cọc	13.711.458.689	12.333.685.974
Cổ tức phải trả	53.306.400	224.802.300
Phải trả khác	16.718.850	-
	15.680.861.643	**15.286.974.023**

15. Vốn chủ sở hữu

15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Phụ lục số 02

Phân phối lợi nhuận	**Năm 2024**	**Năm 2023**
Tổng lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	37.513.310.109	14.995.042.530
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ	41.861.803.066	37.459.084.068
Phân phối lợi nhuận năm trước, trong đó:	38.131.460.342	14.940.816.489
Trích các quỹ	18.335.684.068	7.441.728.489
Trả cổ tức	18.374.220.000	7.349.688.000
Khen thưởng ban điều hành	749.180.000	149.400.000
Giảm khác	672.376.274	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	**41.243.652.833**	**37.513.310.109**

15.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	**Năm 2023**
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	12.249.480.000	12.249.480.000
Vốn góp cuối kỳ	12.249.480.000	12.249.480.000

Cổ tức, lợi nhuận đã chia	**Năm 2024**	**Năm 2023**
Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	18.374.220.000	7.349.688.000

15.3. Cổ phiếu

	31/12/2024	**01/01/2024**
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**1.224.948**	**1.224.948**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	1.224.948	1.224.948
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.224.948	1.224.948
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

15.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2024	**01/01/2024**
Quỹ đầu tư phát triển	32.612.130.588	17.943.584.934

16. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	**01/01/2024**
Tiền USD	2.834.223,93	2.003.447,09
Tiền EUR	55.808,87	63.133,25

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu cung cấp dịch vụ	266.567.429.905	252.338.882.462
	266.567.429.905	**252.338.882.462**

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn cung cấp dịch vụ	187.012.323.841	182.373.350.779
	187.012.323.841	**182.373.350.779**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.855.791.342	2.877.473.140
Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ	2.534.050.000	1.353.035.349
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	789.672.538	167.652.955
	5.179.513.880	**4.398.161.444**

4. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	26.536.467.075	23.474.254.281
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	268.047.379	138.856.070
Chi phí khấu hao TSCĐ	613.234.497	600.249.588
Chi phí - Thuế, phí và lệ phí	775.384.715	568.165.887
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.574.176.679	2.281.579.931
Chi phí bằng tiền khác	1.109.216.711	569.576.000
	31.876.527.056	**27.632.681.757**

5. Thu nhập khác

	Năm 2024	Năm 2023
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	194.758.697	254.545.455
Thu thanh lý	423.636.364	254.545.455
Giá trị còn lại	(228.877.667)	-
Khoản phạt thu được	-	127.150.600
Các khoản khác	414.175.314	189.021.327
	608.934.011	**570.717.382**

6. Chi phí khác

	Năm 2024	Năm 2023
Phạt vi phạm hành chính	506.658.744	35.306.193
Các khoản khác	373.270.796	213.783.685
	879.929.540	**249.089.878**

7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	268.047.379	138.856.070
Chi phí nhân công	30.507.571.835	28.053.611.160
Chi phí khấu hao tài sản cố định	613.234.497	600.249.588
Chi phí dịch vụ mua ngoài	194.576.017.994	186.342.433.598
Chi phí thuế phí, lệ phí	775.384.715	568.165.887
Chi phí khác bằng tiền	1.109.216.711	1.136.741.887
	227.849.473.131	**216.840.058.190**

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	52.587.097.359	47.052.638.874
Các khoản điều chỉnh tăng	2.359.927.188	1.662.805.808
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát không điều hành	530.000.000	1.203.000.000
Khấu hao ô tô vượt 1,6 tỷ đồng	81.360.000	81.360.000
Chi phí không được trừ khác	1.748.567.188	378.445.808
Các khoản điều chỉnh giảm ( )	(1.320.553.081)	(747.670.652)
Chuyển lỗ năm trước	(530.880.543)	(580.017.697)
Lãi CLTG đánh giá lại tiền và khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(789.672.538)	(167.652.955)
Thu nhập chịu thuế TNDN	53.626.471.466	47.967.774.030
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	10.725.294.293	9.593.554.806
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**10.725.294.293**	**9.593.554.806**

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023 (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế	41.861.803.066	37.459.084.068
Các khoản điều chỉnh	-	(3.667.138.414)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3.667.138.414)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	41.861.803.066	33.791.945.654
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.224.948	1.224.948
	34.174	**27.586**

Tại thời điểm phát hành báo cáo, Công ty chưa có nghị quyết về việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2024.

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023 (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế	41.861.803.066	37.459.084.068
Các khoản điều chỉnh giảm:	-	(3.667.138.414)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3.667.138.414)
Các khoản điều chỉnh tăng:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	41.861.803.066	33.791.945.654
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.224.948	1.224.948
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	673.721	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**22.048**	**27.586**

Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã thông qua:
- Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu cổ phần theo phương thức chào bán chứng khoán ra công chúng năm 2024 với số lượng cổ phiếu là: 612.474 cổ phiếu
- Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty năm 2024 để tăng vốn điều lệ với số lượng cổ phiếu là: 61.247 cổ phiếu

VII. Những thông tin khác

Đơn vị tính: VND

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết số 03/HĐQT-NQ ngày 17/02/2025 của Hội đồng quản trị về việc thông qua kết quả thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu và Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua, Công ty đã thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu với số lượng cổ phiếu đã bán ra là 599.775 cổ phiếu. Công ty đã thông qua phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền, theo đó số lượng cổ phiếu tiếp tục được phân phối là 12.699 cổ phiếu, đến thời điểm phát hành báo cáo, số cổ phiếu này đã được phân phối hết.
Công ty đang thực hiện các thủ tục báo cáo kết quả phát hành đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Công ty đang thực hiện thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Thông tin về các bên liên quan

2.1. Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Khắc Luận	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Quỳnh Giang	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Đinh Văn Khải	Thành viên HĐQT
Ông Trịnh Xuân Tuấn	Thành viên HĐQT đến trước ngày
Bà Nguyễn Thu Hồng	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT
Ông Phạm Đăng Khánh	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Đăng Khoa	Trưởng ban Ban kiểm soát, Giám đốc Vinexad QC & Truyền thông
Bà Mạc Thanh Tú	Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc QT
Ông Nguyễn Quốc Vinh	Thành viên Ban kiểm soát, Cán bộ Vinexad -TLSK I
Bà Huỳnh Thị Thúy Nga	Thành viên Ban kiểm soát đến trước ngày 28/03/2024
Bà Huỳnh Thị Ngọc Châu	Thành viên Ban kiểm soát đến trước ngày 28/03/2024

2.2. Giao dịch với các bên liên quan khác như sau

	Năm 2024	Năm 2023
Thù lao của HĐQT		
Ông Nguyễn Khắc Luận	354.875.250	84.928.500
Ông Phạm Quỳnh Giang	515.594.250	106.159.500
Ông Đinh Văn Khải	335.160.100	78.635.000
Bà Nguyễn Thu Hồng	315.444.500	78.635.000
Ông Trịnh Xuân Tuấn	354.875.400	70.771.500
Thù lao của Ban kiểm soát		
Ông Vũ Đăng Khoa	229.249.250	53.786.800
Bà Huỳnh Thị Thúy Nga	182.051.100	36.306.090
Bà Huỳnh Thị Ngọc Châu	182.051.100	36.306.090
Tiền lương của Ban kiểm soát		
Ông Vũ Đăng Khoa	380.198.462	-
Bà Mạc Thanh Tú	442.845.877	-
Ông Nguyễn Quốc Vinh	349.378.471	-
Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT tham gia các chức vụ khác của Công ty		
Ông Nguyễn Khắc Luận	556.891.092	526.839.320
Ông Đinh Văn Khải	303.764.380	486.937.000
Bà Nguyễn Thu Hồng	555.313.880	542.588.049
Ông Phạm Đăng Khánh	472.648.026	484.762.000
Tiền thưởng của Ban Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Khắc Luận	300.000.000	-
Ông Đinh Văn Khải	70.601.000	-
Bà Nguyễn Thu Hồng	85.000.000	-
Ông Phạm Đăng Khánh	74.754.000	-

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát có thù lao năm 2023 được trả vào năm 2024, thù lao của năm 2022 được trả vào năm 2023. Ban Tổng giám đốc có tiền thưởng năm 2023 được chi trả vào năm 2024. Tiền lương của Ban kiểm soát là lương do nắm giữ các chức vụ khác trong Công ty. Số liệu được trình bày không gồm thuế

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thoả mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm

Hà Nội, ngày 2 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thắm	Nguyễn Tuyết Mai	Nguyễn Thu Hồng

Phụ lục số 01

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số dư 01/01/2024	11.283.675.683	408.838.354	4.303.207.909	15.995.721.946
Mua trong kỳ	-	-	1.053.015.727	1.053.015.727
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(947.080.000)	(947.080.000)
Giảm khác	-	-	(800.000)	(800.000)
Số dư 31/12/2024	**11.283.675.683**	**408.838.354**	**4.408.343.636**	**16.100.857.673**
Giá trị hao mòn luỹ kế				
Số dư 01/01/2024	8.324.877.178	332.531.417	2.431.784.989	11.089.193.584
Khấu hao trong kỳ	149.378.340	22.110.092	439.046.065	610.534.497
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(718.202.333)	(718.202.333)
Số dư 31/12/2024	**8.474.255.518**	**354.641.509**	**2.152.628.721**	**10.981.525.748**
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2024	2.958.798.505	76.306.937	1.871.422.920	4.906.528.362
Tại ngày 31/12/2024	**2.809.420.165**	**54.196.845**	**2.255.714.915**	**5.119.331.925**

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 6.598.949.173

Phụ lục số 02

15. Vốn chủ sở hữu

15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST thuế chưa PP	Cộng
Số dư 01/01/2023	12.249.480.000	520.000	14.222.720.689	14.995.042.530	41.467.763.219
Lãi/(lỗ) trong kỳ	-	-	-	37.459.084.068	37.459.084.068
Chia cổ tức	-	-	-	(7.349.688.000)	(7.349.688.000)
Trích các quỹ	-	-	3.720.864.245	(7.441.728.489)	(3.720.864.244)
Khen thưởng	-	-	-	(149.400.000)	(149.400.000)
Số dư 31/12/2023	**12.249.480.000**	**520.000**	**17.943.584.934**	**37.513.310.109**	**67.706.895.043**
Số dư 01/01/2024	12.249.480.000	520.000	17.943.584.934	37.513.310.109	67.706.895.043
Lãi/(lỗ) trong kỳ	-	-	-	41.861.803.066	41.861.803.066
Chia cổ tức	-	-	-	(18.374.220.000)	(18.374.220.000)
Khen thưởng	-	-	-	(749.180.000)	(749.180.000)
Trích các quỹ	-	-	14.668.545.654	(18.335.684.068)	(3.667.138.414)
Phạt hành chính	-	-	-	(672.376.274)	(672.376.274)
Số dư 31/12/2024	**12.249.480.000**	**520.000**	**32.612.130.588**	**41.243.652.833**	**86.105.783.421**